

Chương 7

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Gia đình - nơi con người sinh ra và trưởng thành, có tác động to lớn đến sự phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Hạnh phúc của gia đình là cơ sở để xây dựng hạnh phúc của xã hội, gia đình tồn tại, thì quốc gia, dân tộc, thế giới mới tồn tại. Ngược lại, sự hưng thịnh của mỗi quốc gia, sự ổn định, bền vững của xã hội là điều kiện đảm bảo và có ý nghĩa chỉ phối đến hạnh phúc toàn diện, bền vững của gia đình và cá nhân.

Gia đình như một xã hội thu nhỏ, do vậy, vấn đề gia đình là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau, như xã hội học, tâm lý học, kinh tế học, dân số học... Với tính cách là một phạm trù của chủ nghĩa xã hội khoa học, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội là những vấn đề không thể thiếu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giải quyết đúng đắn, hợp lý mối quan hệ này là một mặt quan trọng trong việc xây dựng quan hệ công bằng, bình đẳng giữa người và người trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Những giá trị chân chính của gia đình là nền tảng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH

1.1. Khái niệm gia đình và các hình thức gia đình trong lịch sử

Khái niệm gia đình

Gia đình là một cộng đồng người đặc biệt, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. C.Mác và Ph. Ăngghen, khi đề cập đến gia đình đã cho rằng: “Quan hệ thứ ba tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển lịch sử: hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là *gia đình*”¹. Cơ sở hình thành gia đình là hai mối quan hệ cơ bản, quan hệ hôn nhân (vợ và chồng) và quan hệ huyết thống (cha mẹ và con cái...). Những mối quan hệ này tồn tại trong sự gắn bó, liên kết, ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau, bởi nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người, được quy định bằng pháp lý hoặc đạo lý.

Quan hệ hôn nhân là quan hệ giữa nam và nữ, những người không cùng dòng máu, được xã hội thừa nhận, thông qua sự xác nhận của chính quyền, sự đồng ý của gia đình, họ hàng, bạn bè, trong đó có những quy định cụ thể về quyền hạn, nghĩa vụ của họ với nhau. Quan hệ hôn nhân là cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ khác trong gia đình. Hôn nhân là cơ pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình. Quan hệ huyết thống là quan hệ giữa những người cùng một dòng máu. Quan hệ huyết thống nảy sinh từ quan hệ hôn nhân. Đây là mối quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau. Quan hệ hôn nhân là cơ sở cho sự hình thành và tồn tại của một gia

¹ C.Mác và Ph. Ăngghen, “Hệ tư tưởng Đức”, C.Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập, tập 3, Nxb CTQG, HN, 1995, tr.41.

đình, hôn nhân và quan hệ hôn nhân có thể thay đổi, nhưng huyết thống và quan hệ huyết thống, khi đã hình thành thì không thể thay đổi. Quan hệ huyết thống hình thành từ quan hệ hôn nhân, ngược lại, quan hệ huyết thống lại chính là cơ sở để duy trì hôn nhân, quan hệ hôn nhân và gia đình.

Trong gia đình, ngoài hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ với con cái, còn có các mối quan hệ khác, quan hệ giữa ông bà với cháu chắt, giữa anh chị em với nhau, giữa cô, dì, chú bác với cháu v.v.. Ngày nay, ở Việt Nam cũng như trên thế giới còn thừa nhận quan hệ cha mẹ nuôi (người đỡ đầu) với con nuôi (được công nhận bằng thủ tục pháp lý) trong quan hệ gia đình.

Như vậy, *gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân và huyết thống.*

Gia đình và hộ gia đình là hai khái niệm không hoàn toàn giống nhau. Nếu gia đình là một cộng đồng người mà các thành viên gắn bó với nhau bởi hai mối quan hệ cơ bản là hôn nhân và huyết thống, thì các thành viên của một gia đình có thể sống chung hoặc không sống chung trong một không gian. Còn khái niệm hộ gia đình (hộ tập thể, hộ gia đình riêng), lại nhấn mạnh một cộng đồng người sống chung trong một không gian xác định. Mặt khác, trong một hộ gia đình, có thể bao gồm những người có hoặc không có quan hệ hôn nhân hay huyết thống. Hộ gia đình, thường được sử dụng ở góc độ quản lý nhân khẩu. Ngược lại, trong một gia đình, có thể sống chung trong một không gian, nhưng lại có thể bao gồm các hộ gia đình khác nhau.

Tương tự, khái niệm dòng họ và khái niệm gia đình cũng không hoàn toàn giống nhau. Khái niệm dòng họ dùng để chỉ một cộng đồng người có chung quan hệ huyết thống, là gia đình mở rộng với nhiều cấp độ khác nhau của quan hệ huyết thống. Gia đình và dòng họ đều không nhất thiết phải có một không gian sống chung.

Các hình thức gia đình trong lịch sử

Sự hình thành của gia đình, trước hết, do nhu cầu tình cảm, đặc điểm sinh lý tự nhiên của con người, nhu cầu tồn tại và phát triển của xã hội. Đồng thời sự vận động và phát triển của gia đình lại chịu ảnh hưởng quyết định của điều kiện khách quan như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội v.v.. Vì vậy, trong lịch sử đã xuất hiện các hình thức gia đình khác nhau. Gia đình tập thể dựa trên cơ sở hôn nhân tập thể, gia đình cá thể dựa trên cơ sở hôn nhân một vợ, một chồng.

Gia đình tập thể là hình thức gia đình tồn tại trong xã hội nguyên thủy, đó là “...tình trạng trong đó những người chồng sống theo chế độ nhiều vợ, và vợ của họ cũng sống theo chế độ nhiều chồng, và vì vậy, con cái chung đều coi là chung của cả hai bên”². Hình thức gia đình này, dưới tác động của quy luật đào thải tự nhiên, đã trải qua hàng loạt biến đổi trước khi chuyển thành gia đình cá thể, dựa trên cơ sở hôn nhân một vợ, một chồng.

² Ph. Ăngghen, “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, Nxb CTQG ST, HN, 1995, tr.58

+ Gia đình huyết tộc.

Gia đình huyết tộc là giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển gia đình, xuất hiện trên cơ sở của chế độ hôn nhân tập thể, nhưng đã phân theo thế hệ. "... tất cả các ông và bà đều là vợ chồng với nhau, các con của họ, nghĩa là các người cha và các bà mẹ cũng đều là vợ chồng với nhau, rồi đến lượt con cái của những người này cũng hợp thành một nhóm vợ chồng chung thứ ba, rồi con cái của những người con ấy, tức là chắt của những người nói trên cùng, lại hợp thành nhóm vợ chồng thứ tư"³. Ở hình thức gia đình này, quan hệ hôn nhân giữa các thế hệ đã được loại trừ.

+ Gia đình Pu - na - lu - an (bạn thân)

Gia đình Pu - na - lu - an là một bước tiến bộ so với gia đình huyết tộc, bởi trong hình thức gia đình này, hôn nhân không những loại trừ quan hệ giữa các thế hệ mà còn loại trừ tiếp quan hệ giữa anh chị em ruột với nhau. Tuy nhiên, anh chị em ruột mới chỉ xác định được từ phía người mẹ.

+ Gia đình cặp đôi

Là hình thức gia đình hình thành trên cơ sở kết hôn từng cặp, tồn tại trong chế độ quần hôn. Ở hình thức gia đình này quan hệ hôn nhân vẫn loại trừ quan hệ giữa các thế hệ và anh chị em ruột theo người mẹ, tuy nhiên, điểm khác biệt là "...trong số vợ rất đông của mình, người đàn ông có một vợ chính (nhưng chưa thể nói đó là người vợ yêu nhất), và trong số nhiều người chồng khác, anh ta là người chồng chính của người đàn bà ấy"⁴.

Có thể nói sự phát triển các hình thức gia đình tập thể trong thời đại nguyên thủy chính là sự thu hẹp dần tình trạng hôn nhân cộng đồng giữa nam và nữ. Trong các hình thức gia đình đó, việc xác định dòng dõi chủ yếu dựa vào huyết thống của người mẹ. Quyền thừa kế tài sản cũng căn cứ vào huyết thống của người mẹ. Đặc điểm nổi bật của hình thức gia đình này là mẫu quyền, dựa trên cơ sở kinh tế tập thể - kinh tế gia đình cộng sản. Tuy địa vị người phụ nữ được đề cao nhưng chưa có áp bức và bất bình đẳng trong xã hội. Về điểm này, Ph. Ăngghen đã viết: "...nền kinh tế gia đình cộng sản lại có nghĩa là địa vị thống trị của người đàn bà ở trong gia đình, cũng hết như việc chỉ hoàn toàn thừa nhận có người mẹ đẻ vì không thể biết đích xác ai là cha đẻ; có nghĩa là việc hết sức tôn trọng người đàn bà, tức là các bà mẹ"⁵ và "Sự phân công lao động giữa nam và nữ là do những nguyên nhân khác, chứ không phải do địa vị của người đàn bà trong xã hội quyết định"⁶

Gia đình cá thể (một vợ, một chồng).

³ Ph. Ăngghen, "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, Nxb CTQG ST, HN, 1995, tr.66

⁴ Ph. Ăngghen, "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, Nxb CTQG ST, HN, 1995, tr.79.

⁵ Ph. Ăngghen, "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, Nxb CTQG ST, HN, 1995, tr.82

⁶ Ph. Ăngghen, "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, Nxb CTQG ST, HN, 1995, tr.83.

Chế độ chiếm hữu nô lệ ra đời gắn liền với sự xuất hiện chế độ tư hữu và lao động của nam giới ngày càng được đề cao trong xã hội. Gia đình mẫu quyền đã trở thành rào cản đối với nhu cầu để lại của cải của người đàn ông cho con cái đích thực của mình. "...của cải dân tăng thêm thì, một mặt trong gia đình, của cải đó mang lại cho người chồng có địa vị quan trọng hơn người vợ và, mặt khác, của cải đó khiến cho người chồng có xu hướng lợi dụng địa vị vững vàng hơn ấy để đảo ngược trật tự kế thừa cổ truyền đáng có lợi cho con cái mình"⁷. Vì vậy, chế độ tính dòng dõi theo mẫu quyền và quyền thừa kế mẹ đã bị xóa bỏ, dòng dõi tính theo đấng cha và quyền kế thừa cha được xác lập. Chế độ hôn nhân cặp đôi chuyển sang chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Gia đình cá thể, một vợ một chồng ra đời.

Gia đình một vợ một chồng là "... một trong những dấu hiệu của thời đại văn minh. Gia đình ấy dựa trên quyền thống trị của người chồng, nhằm chủ đích là làm cho con cái sinh ra phải có cha để rõ ràng không ai tranh cãi được, và sự rõ ràng ấy là cần thiết, vì những đứa con đó sau này sẽ được hưởng tài sản của cha với tư cách là người thừa kế trực tiếp"⁸. Quan hệ hôn nhân đã chặt chẽ hơn so với gia đình cặp đôi. Tuy nhiên, sự ra đời của hình thức gia đình này lại gắn liền với sự thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ trong xã hội.

Như vậy, "chế độ một vợ một chồng là hình thức gia đình đầu tiên không dựa vào điều kiện tự nhiên mà dựa trên những điều kiện kinh tế - tức là trên sự thắng lợi của sở hữu tư nhân đối với sở hữu công cộng nguyên thủy và tự phát"⁹. Do vậy, nó không phải là kết quả của sự hòa hợp giữa đàn ông và đàn bà mà là sự nô dịch của giới này đối với giới kia, là sự xung đột giữa hai giới. Sự xung đột này diễn ra đồng thời với sự đối kháng giai cấp đầu tiên trong xã hội.

1.2. Mối quan hệ giữa gia đình và xã hội

Gia đình là tế bào của xã hội

Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: "Theo quan điểm duy vật thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết

⁷ Ph. Ăngghen, "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, Nxb CTQG ST, HN, 1995, tr.92.

⁸ Ph. Ăngghen, "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, Nxb CTQG ST, HN, 1995, tr.99.

⁹ Ph. Ăngghen, "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, Nxb CTQG ST, HN, 1995, tr.104.

định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”¹⁰.

Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Vì vậy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt, như chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “... nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội chính là gia đình”¹¹.

Tuy nhiên, mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền, và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử. Vì vậy, trong mỗi giai đoạn của lịch sử, tác động của gia đình đối với xã hội không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn, trong các xã hội dựa trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ xã hội và quan hệ gia đình đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình, thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi người. Chỉ trong gia đình, mới thể hiện được quan hệ tình cảm thiêng liêng, sâu đậm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, anh chị em với nhau mà không cộng đồng có được và có thể thay thế.

Tuy nhiên, mỗi cá nhân lại không thể chỉ sống trong quan hệ tình cảm gia đình, mà còn có nhu cầu quan hệ xã hội, quan hệ với những người khác, ngoài gia đình. Mỗi cá nhân không chỉ là thành viên của gia đình mà còn là thành viên của xã hội. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đồng thời cũng là quan hệ giữa các thành viên của xã hội. Không có cá nhân bên ngoài gia đình, cũng không thể có cá nhân bên ngoài xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân. Gia đình cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

Ngược lại, gia đình cũng là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng của xã hội tác động thông qua lăng kính gia đình mà tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách v.v.. Xã hội nhận thức đầy đủ và

¹⁰ Ph. Ăng ghen, “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 21, Nxb CTQGST, HN, 1995, tr.44.

¹¹ Hồ Chí Minh, “Bài nói tại hội nghị cán bộ dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình”, Toàn tập, tập 9, Nxb CTQG, HN, 2009, tr.523.

toàn diện hơn về khi xem xét cá nhân trong quan hệ với gia đình. Có những vấn đề quản lý xã hội phải thông qua hoạt động của gia đình để tác động đến cá nhân. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá nhân được thực hiện với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình. Chính vì vậy, ở bất cứ xã hội nào, giai cấp cầm quyền muốn quản lý xã hội theo yêu cầu của mình, cũng đều coi trọng việc xây dựng và củng cố gia đình. Cho nên, đặc điểm của gia đình trong mỗi chế độ xã hội có khác nhau. Trong xã hội phong kiến, để củng cố, duy trì chế độ bóc lột, với quan hệ gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền đã có những quy định rất khắt khe đối với phụ nữ, đòi hỏi người phụ nữ phải tuyệt đối trung thành với người chồng, người cha - những người đàn ông trong gia đình. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, để xây dựng một xã hội thật sự bình đẳng, con người được giải phóng, giai cấp công nhân chủ trương bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ một chồng, thực hiện sự bình đẳng trong gia đình, giải phóng phụ nữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”¹². Vì vậy, quan hệ gia đình có đặc điểm khác về chất so với các xã hội trước đó.

Xã hội là môi trường tồn tại và phát triển của gia đình

Sự phát triển của xã hội quy định hình thức, tính chất, quy mô và kết cấu của gia đình đồng thời cũng quy định đặc điểm của mối quan hệ gia đình. Trong đó, đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, của xã hội tác động trực tiếp đến gia đình. C.Mác đã khẳng định, tôn giáo, gia đình, nhà nước, pháp quyền, đạo đức, khoa học, nghệ thuật chỉ là những hình thức đặc thù của sản xuất và phục tùng quy luật chung của sản xuất. Khi nghiên cứu gia đình trong lịch sử xã hội Ph.Ăngghen đã chỉ rõ, mỗi giai đoạn phát triển của nhân loại sẽ có một hình thức gia đình, tương ứng với chế độ hôn nhân nhất định. “Thời đại mông muội, có chế độ quần hôn; ở thời đại dã man, có chế độ hôn nhân cặp đôi; ở thời đại văn minh, có chế độ một vợ một chồng được bổ sung bằng tệ ngoại tình và nạn mại dâm...”¹³

Trong thời kỳ đầu của xã hội loài người, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hết sức thấp kém, kinh tế cộng đồng nguyên thủy và cùng với nó là sự bình đẳng giữa người và người trong xã hội, đã tạo nên hình thức gia đình tập thể (gia đình huyết tộc, gia đình pu-na-lu-an, gia đình cặp đôi) với quy mô gia đình khá lớn. Trong hình thức gia đình này, mặc dù là gia đình mẫu hệ, nhưng không có sự áp bức, bất bình đẳng giữa các thành viên, như Ph.Ăng ghen đã nhận xét: “Trong nền kinh tế gia đình cộng sản thời cổ, một nền kinh tế bao gồm nhiều cặp vợ chồng với con cái họ, việc tề gia nội trợ, được giao cho phụ nữ, là một loại hình hoạt động xã hội cần thiết, cũng ngang như việc nam giới cung cấp lương thực”¹⁴.

¹² Hồ Chí Minh, “Bài nói tại hội nghị cán bộ dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình”, Toàn tập, tập 9, Nxb CTQG, HN, 2009, tr.523.

¹³ Ph. Ăng ghen, “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 21, Nxb CTQGST, HN, 1995, tr.117.

¹⁴ Ph. Ăngghen, “Nguồn gốc của gia đình, của nhà nước và của chế độ tư hữu”, C.Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, tập 21, NxbCTQGST, HN, 1995, tr.115.

Bước sang chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ tư hữu ra đời và cùng với nó là sự phân chia giai cấp và bất bình đẳng trong xã hội, gia đình cá thể một vợ một chồng hình thành. Quy mô gia đình cũng như quan hệ hôn nhân đã thu hẹp lại. Cũng từ đây, khi xã hội còn chế độ tư hữu, thì quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, đặc biệt là quan hệ giữa vợ và chồng mang tính phức tạp, bất bình đẳng. Đặc điểm, đạo đức lối sống trong gia đình cũng bị chi phối bởi đặc điểm, đạo đức, lối sống của xã hội, quan hệ xã hội. Vì vậy, trong mỗi chế độ xã hội khác nhau, có quan điểm khác nhau về tiêu chuẩn đạo đức, lối sống v.v.. Ngoài ra, gia đình và quan hệ gia đình còn bị chi phối bởi các yếu tố khác như, văn hóa, tôn giáo, pháp luật...

Gia đình chịu sự tác động quyết định của điều kiện kinh tế - xã hội, sự biến đổi của điều kiện kinh tế - xã hội sẽ quyết định đến sự biến đổi của gia đình. Tuy nhiên, sự biến đổi của gia đình có tính độc lập tương đối, không thể lấy yếu tố kinh tế để giải thích mọi hiện tượng xảy ra trong đời sống gia đình, trong các diễn biến tình cảm, tâm lý, ý chí của mỗi thành viên. Do vậy, cùng một điều kiện kinh tế - xã hội, mức độ tác động đối với gia đình cũng không giống nhau. Gia đình của các giai cấp, tầng lớp, nhóm cư dân cũng có sự khác nhau.

Tóm lại, giữa gia đình và xã hội có mối quan hệ hữu cơ với nhau, có ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau. Không có gia đình để tái tạo sức lao động thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Ngược lại, không có môi trường xã hội lành mạnh thì gia đình cũng không thể phát triển được.

Trong cách mạng xã hội, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa gia đình và xã hội là một vấn đề rất quan trọng. Cần tránh cả hai khuynh hướng sai lầm, hoặc cho rằng gia đình à việc riêng tư, xã hội không nên can thiệp, hoặc là khuynh hướng tự tư, tự lợi, chỉ biết chăm lo, thu vén cho gia đình riêng, mà không chú ý thực hiện nghĩa vụ của gia đình đối với xã hội. Xã hội phải quan tâm đến gia đình và gia đình, các thành viên trong gia đình phải thấy được trách nhiệm của mình trước xã hội.

1.3. Chức năng cơ bản của gia đình

Vai trò của gia đình đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội được biểu hiện thông qua những chức năng của gia đình. Gia đình được sinh ra, tồn tại và phát triển cũng chính vì gia đình đảm đương những chức năng đặc biệt mà xã hội giao phó, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Các chức năng của gia đình được thực hiện trong môi liên hệ thống nhất, tác động lẫn nhau, không thể tách rời.

Chức năng sinh đẻ (tái sản xuất con người)

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động của xã hội.

Việc thực hiện chức năng sinh đẻ diễn ra trong từng gia đình, nhưng nó không chỉ là việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, nó quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội. Nó liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi

mặt đời sống của xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

Bên cạnh chức năng sinh đẻ, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người. Bởi vì, ngay khi sinh ra, trước tiên mỗi người đều chịu sự giáo dục trực tiếp của cha mẹ và người thân trong gia đình. Những hiểu biết đầu tiên, mà gia đình đem lại đều có ý nghĩa rất quan trọng đối với một đời người. Vì vậy, gia đình là một môi trường văn hóa, giáo dục, trong môi trường này, mỗi thành viên đều là những chủ thể sáng tạo những giá trị văn hóa, chủ thể giáo dục đồng thời cũng là những người thụ hưởng giá trị văn hóa, và là khách thể chịu sự giáo dục của các thành viên khác trong gia đình.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đối với mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời, từ lúc còn bé cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Mỗi cá nhân trong gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định trong việc giáo dục của gia đình. Đây là chức năng hết sức quan trọng, mặc dù, trong xã hội có nhiều cộng đồng khác (nhà trường, các đoàn thể, chính quyền v.v..) cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế chức năng giáo dục của gia đình. Với chức năng này, gia đình góp phần to lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của xã hội, cung cấp nguồn lao động để duy trì sự trường tồn của xã hội. Vì vậy, giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của xã hội. Nếu coi trọng giáo dục mà hạ thấp giáo dục của xã hội hoặc ngược lại, thì chắc chắn cá nhân sẽ không phát triển toàn diện.

Thực hiện tốt chức năng giáo dục, trước tiên, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục. Bởi vì, giáo dục không chỉ là khoa học mà còn là nghệ thuật.

Chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dùng

Ngay từ khi gia đình ra đời, dù là gia đình tập thể hay gia đình cá thể, thì gia đình đã là một đơn vị kinh tế tự chủ trong xã hội. Trong gia đình có sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất, tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm lao động. Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Khác với các đơn vị kinh tế khác, gia đình còn là cộng đồng duy nhất, tham gia vào quá trình tái sản xuất ra sức lao động - một yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất của xã hội.

Cùng với sự phát triển của xã hội, ở mỗi hình thức gia đình và ngay cả ở một hình thức gia đình, nhưng tùy theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, chức năng kinh tế của gia đình có sự khác nhau, về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất và cách thức tổ chức sản xuất và phân phối. Vị trí, vai trò của kinh

tế gia đình và mối quan hệ của kinh tế gia đình với các đơn vị kinh tế khác trong xã hội cũng không hoàn toàn giống nhau.

Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. Hiệu quả hoạt động kinh tế của gia đình quyết định hiệu quả đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên gia đình. Đồng thời, gia đình đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải, sự giàu có của xã hội. Gia đình có thể phát huy một cách có hiệu quả mọi tiềm năng của mình về vốn, về sức lao động, tay nghề của người lao động, tăng nguồn của cải vật chất cho gia đình và xã hội. Thực hiện tốt chức năng này, không những tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động cho xã hội, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội. Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như sinh hoạt gia đình. Đây cũng là chức năng quan trọng của gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi người, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người.

Gia đình là một nhóm tâm lý, tình cảm đặc thù. Ở đó, các mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái, vợ - chồng, anh chị em với nhau được duy trì bởi các chuẩn mực nhất định về tình cảm (hiếu, nghĩa, thủy chung...). Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Khi quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng bị phá vỡ.

Ngoài ra, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị... Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Gia đình không chỉ là nơi ưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và thực hiện những giá trị đạo đức, văn hóa. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình cũng là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.

Như vậy, gia đình là một thiết chế đa chức năng. Thông qua những chức năng này, gia đình tồn tại và phát triển, đồng thời có ảnh hưởng quyết định đến sự vận động và phát triển của xã hội. Việc thực hiện các chức năng này có quan hệ mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau. Cần tránh những tư tưởng coi trọng chức năng này mà hạ thấp chức năng khác, hoặc tư tưởng hạ thấp các chức năng của gia đình. Trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau và tùy theo hoàn cảnh cụ thể mà nội dung, vị trí của mỗi chức năng có biểu hiện cụ thể khác nhau. Để thực hiện tốt các chức năng trên, đòi hỏi phải có sự cố gắng của mọi thành viên trong gia đình. Mỗi người, tùy theo vị trí, khả năng của mình mà tham gia vào việc thực hiện chức năng của gia đình. Trong đó, người phụ nữ có vai trò quan trọng nhất. Chính vì vậy, quan tâm đến việc xây dựng gia đình tốt là quan tâm đến phụ nữ, giải phóng xã hội là giải phóng phụ nữ. Giải phóng phụ nữ là một nội dung của sự tiến bộ xã hội, là nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở, xem tư tưởng và việc làm của đàn bà, con gái thì biết xã hội tiến bộ như thế nào.

2. NHỮNG CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Gia đình trong mỗi chế độ xã hội đều có sự khác nhau về đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa, đặc điểm quan hệ gia đình... Sở dĩ có sự khác nhau như vậy, là do có sự khác nhau về quan hệ sản xuất đặc trưng, chế độ chính trị, trình độ dân trí, văn hóa của xã hội. Nếu như, xã hội có sự biến đổi về điều kiện kinh tế tất yếu kéo theo sự biến đổi gia đình. Ngược lại, nếu xã hội rơi vào trình trạng trì trệ, các giá trị, chuẩn mực gia đình cũng không có sự đổi thay lớn. Điều đó trở thành quy luật trong sự hình thành và phát triển của gia đình.

Theo quy luật, trên trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc xây dựng gia đình, quan hệ gia đình cũng như hình thành đặc điểm đạo đức, lối sống, văn hóa gia đình phụ thuộc vào sự chín muồi những cơ sở chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Ở giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động mới giành được chính quyền, các yếu tố của xã hội cũ và mới đang có sự đan xen, vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau, nên trong gia đình và quan hệ gia đình của có sự biến đổi tương ứng. Những yếu tố lạc hậu của gia đình trong xã hội cũ dần dần được cải tạo, thay thế vào đó những giá trị mới, tiến bộ và hiện đại. Quá trình hình thành những giá trị mới, tiến bộ, hiện đại - gia đình mới dựa trên những cơ sở sau:

2.1. Cơ sở chính trị - xã hội

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đề nâng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như V.I. Lênin đã khẳng định: “Chính quyền xô viết là chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế giới đã hoàn toàn thủ tiêu tất cả pháp luật cũ kỹ, tư sản, đế tiện, những pháp luật đó đặt người phụ nữ vào tình trạng

không bình đẳng với nam giới, đã dành đặc quyền cho nam giới... Chính quyền xô - viết, một chính quyền của nhân dân lao động, chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế giới đã hủy bỏ tất cả những đặc quyền gắn liền với chế độ tư hữu, những đặc quyền của người đàn ông trong gia đình...”¹⁵

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội... Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Chừng nào và ở đâu, hệ thống chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện thì việc xây dựng gia đình và đảm bảo hạnh phúc gia đình còn hạn chế.

2.1. Cơ sở kinh tế-xã hội

Cơ sở kinh tế -xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của sự áp bức bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần dần bị xóa bỏ, tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong xã hội. V.I. Lênin đã viết: “Bước thứ hai và là bước chủ yếu là thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất, công xưởng và nhà máy. Chính như thế và chỉ có như thế mới mở được con đường giải phóng hoàn toàn và thật sự cho phụ nữ, mới thủ tiêu được “chế độ nô lệ gia đình” nhờ có việc thay thế nền kinh tế gia đình cá thể bằng nền kinh tế xã hội hóa quy mô lớn”¹⁶.

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ. Bởi vì sự thống trị của người đàn ông trong gia đình là kết quả sự thống trị của họ về kinh tế, sự thống trị đó tự nó sẽ tiêu tan khi sự thống trị về kinh tế của đàn ông không còn. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đồng thời cũng là cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ dù tham gia lao động xã hội hay tham gia lao động gia đình thì lao động của họ đóng góp cho sự vận động và phát triển, tiến bộ của xã hội. Như Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh: “Tư liệu sản xuất chuyển thành tài sản chung, thì gia đình cá thể sẽ không còn là đơn vị kinh tế của xã hội nữa. Nền kinh tế tư nhân biến thành một ngành lao

¹⁵ V.I.Lênin, “Gửi nữ công nhân”, V.I.Lênin toàn tập, tập 40, Nxb Tiến bộ, M, 1977, tr.182.

¹⁶ V.I.Lênin, “Ngày quốc tế của nữ công nhân”, V.I.Lênin toàn tập, tập 42, Nxb Tiến bộ, M, 1977, tr.464,

động xã hội. Việc nuôi dạy con cái trở thành công việc của xã hội”¹⁷. Do vậy, phụ nữ có địa vị bình đẳng với đàn ông trong xã hội. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

2.3. Cơ sở văn hóa

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao.

2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

Hôn nhân tự nguyện

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế.

Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ, như Ph. Ăngghen nhấn mạnh: “...nếu nghĩa vụ của vợ và chồng là phải thương yêu nhau thì nghĩa vụ của những kẻ yêu nhau há chẳng phải là kết hôn với nhau và không được kết hôn với người khác”¹⁸. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Ph. Ăngghen viết: “Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi... và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên

¹⁷ Ph. Ăngghen, Ph. Ăng ghen, “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 21, Nxb CTQGST, HN, 1995, tr.118.

¹⁸ Ph. Ăngghen, “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 21, Nxb CTQGST, HN, 1995, tr.125.

cũng như cho xã hội”¹⁹. Tuy nhiên, hôn nhân tiền bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nặng nề, nhất là đối với phụ nữ và con cái, cản ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng duyên ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng

Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ. “Chế độ một vợ một chồng sinh ra từ sự tập trung nhiều của cải vào tay một người, - vào tay người đàn ông, và từ nguyện vọng chuyển của cải ấy lại cho con cái của người đàn ông ấy, chứ không phải của người nào khác. Vì thế, cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không phải về phía người chồng”²⁰. Vì vậy trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Trong đó vợ và chồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi vấn đề của cuộc sống gia đình. Vợ và chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng như nghề nghiệp, công tác xã hội, học tập và một số nhu cầu khác v.v.. Đồng thời cũng có sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề chung của gia đình như ăn, ở, nuôi dạy con cái... nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích, sắc riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được quan tâm của mọi người.

Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý

Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình tình

¹⁹ Ph. Ăng ghen, “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 21, Nxb CTQGST, HN, 1995, tr.128.

²⁰ Ph. Ăng ghen, “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu, của nhà nước”, C.Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 21, Nxb CTQGST, HN, 1995, tr.118.

yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn, tự do ly hôn để thỏa mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi của gia đình

Sự biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là “gia đình quá độ” trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại đến ba bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì hiện nay, quy mô gia đình hiện đại đã ngày càng được thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại hình gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản thân gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới.

Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Xã hội ngày càng phát triển, mỗi người đều bị cuốn theo công việc của riêng mình với mục đích kiếm thêm thu nhập, thời gian dành cho gia đình cũng vì vậy mà ngày càng ít đi. Con người dường như rơi vào vòng xoáy của đồng tiền và vị thế xã hội mà vô tình đánh mất đi tình cảm gia đình. Các thành viên ít quan tâm lo lắng đến nhau và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

Sự biến đổi các chức năng của gia đình

-Sự biến đổi chức năng sinh đẻ (tái sản xuất con người).

Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn bị điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước. Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ trước, Nhà nước đã tuyên truyền, phổ biến và áp dụng rộng rãi các phương tiện và biện pháp kỹ thuật tránh thai và tiến hành kiểm soát thông qua Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con và khoảng cách giữa hai lần sinh là 5 năm.

Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

-Sự biến đổi chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dùng.

Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt²¹: *Thứ nhất*, từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. *Thứ hai*, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Hiện nay, kinh tế hộ gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh sản phẩm hàng hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế hộ gia đình gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trong việc chuyển sang hướng sản xuất kinh doanh hàng hóa theo hướng chuyên sâu trong kinh tế thị trường hiện đại. Nguyên nhân là do kinh tế hộ gia đình phần lớn có quy mô nhỏ, lao động ít và tự sản xuất là chính.

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra”, tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

-Sự biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa).

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa

²¹ Xem: Lê Ngọc Vãn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2012, tr. 176.

ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình²². Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhân mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

Sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây, do sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong nhà trường, của đạo đức xã hội. Những tác động trên đây làm giảm sút đáng kể vai trò của gia đình trong thực hiện chức năng xã hội hóa, giáo dục trẻ em ở nước ta thời gian qua.

Hiện tượng trẻ em hư, bỏ học sớm, lang thang, nghiện hút ma túy, mại dâm... cũng cho thấy phần nào sự bất lực của xã hội và sự bế tắc của một số gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em.

-Sự biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm.

Trong xã hội hiện đại, độ bền vững của gia đình không chỉ phụ thuộc vào sự ràng buộc của các mối quan hệ về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; cha mẹ và con cái; sự hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích gia đình, mà nó còn bị chi phối bởi các mối quan hệ hòa hợp tình cảm giữa chồng và vợ; cha mẹ và con cái, sự đảm bảo hạnh phúc cá nhân, sinh hoạt tự do, chính đáng của mỗi thành viên gia đình trong cuộc sống chung.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, nhưng hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý - tình cảm của nhiều trẻ em và kể cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn, do thiếu đi tình cảm về anh, chị em trong cuộc sống gia đình.

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc, làm cho một số hộ gia đình có cơ may mở rộng sản xuất, tích lũy tài sản, đất đai, tư liệu sản xuất thì trở nên giàu có, trong khi đại bộ phận các gia đình trở thành lao động làm thuê do không có cơ hội phát triển sản xuất, mất đất đai và các tư liệu sản xuất khác, không có khả năng tích lũy tài sản, mở rộng sản xuất. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hộ nghèo, khắc phục khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng ngày càng gia tăng.

Cùng với đó, vấn đề đặt ra là cần phải thay đổi tâm lý truyền thống về vai trò của con trai, tạo dựng quan niệm bình đẳng giữa con trai và con gái trong trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ già và thờ phụng tổ tiên. Nhà nước cần có những giải pháp, biện pháp nhằm bảo đảm an toàn tình dục, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho các thành viên sẽ là chủ gia đình tương lai; củng

²² Xem: Lê Ngọc Vãn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2012, tr. 238.

cổ chức năng xã hội hóa của gia đình, xây dựng những chuẩn mực và mô hình mới về giáo dục gia đình, xây dựng nội dung và phương pháp mới về giáo dục gia đình, giúp cho các bậc cha mẹ có định hướng trong giáo dục và hình thành nhân cách trẻ em; giải quyết thỏa đáng mâu thuẫn giữa nhu cầu tự do, tiến bộ của người phụ nữ hiện đại với trách nhiệm làm dâu theo quan niệm truyền thống, mâu thuẫn về lợi ích giữa các thế hệ, giữa cha mẹ và con cái. Nó đòi hỏi phải hình thành những chuẩn mực mới, bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong gia đình cũng như lợi ích giữa gia đình và xã hội.

Sự biến đổi quan hệ cơ bản của gia đình

-Sự biến đổi quan hệ hôn nhân

Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa... khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn. Đồng thời, xuất hiện nhiều bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục... Từ đó, dẫn tới hệ lụy là giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn đồng tính, sinh con ngoài giá thú... Ngoài ra, sức ép từ cuộc sống hiện đại (công việc căng thẳng, không ổn định, di chuyển nhiều...) cũng khiến cho hôn nhân trở nên khó khăn với nhiều người trong xã hội.

-Sự biến đổi quan hệ vợ chồng

Trong gia đình truyền thống, người chồng là trụ cột của gia đình, mọi quyền lực trong gia đình đều thuộc về người đàn ông. Người chồng là người chủ sở hữu tài sản của gia đình, người quyết định các công việc quan trọng của gia đình, kể cả quyền dạy vợ, đánh con.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông - người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại²³. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người chủ gia đình được quan niệm là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội, được các thành viên trong gia đình coi trọng. Ngoài ra, mô hình người chủ gia đình phải là người kiếm ra nhiều tiền cho thấy một đòi hỏi mới về phẩm chất của người lãnh đạo gia đình trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế.

3.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

²³ Xem: Lê Ngọc Vãn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2012, tr. 335.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải thực hiện xây dựng gia đình mới, hướng tới hình thành con người mới Việt Nam với những đức tính cao đẹp, đồng thời xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030, mục tiêu chung trong xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam là xây dựng gia đình *no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội*. Để đạt được mục tiêu đó, cần chú ý một số định hướng sau:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung, mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

Kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.

Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình ấy bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Nhà nước cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích; đồng thời, tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình gia đình hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiến bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hoà thuận, tiến bộ, khoẻ mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hoá gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

Được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ XX, tại một số địa phương của tỉnh Hưng Yên, đến nay, xây dựng gia đình văn hóa đã trở thành phong trào thi đua có độ bao phủ hầu hết các địa phương ở Việt Nam. Phong trào xây dựng

gia đình văn hóa đã thực sự tác động đến nền tảng gia đình với những quy tắc ứng xử tốt đẹp, phát huy giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Chất lượng cuộc sống gia đình ngày càng được nâng cao. Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình.

Ở đây, cần tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân.

Xã hội hóa việc xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam

Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam không phải là việc riêng của mỗi gia đình mà là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, cần có sự tham gia của mọi ngành, đoàn thể, cộng đồng dân cư, dòng họ và mọi cá nhân.

Công tác xây dựng gia đình chỉ đạt hiệu quả cao nếu các cấp ủy đảng, chính quyền biết dựa vào cộng đồng dân cư để thực hiện các biện pháp giáo dục, tuyên truyền phù hợp nhằm triển khai những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển gia đình, từ đó tạo ra phong trào thi đua rộng khắp, thiết thực và hiệu quả.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho công tác xây dựng và phát triển gia đình với phương châm xã hội hóa, tạo nền tảng cho sự phát triển chung của toàn xã hội.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Phân tích mối quan hệ giữa gia đình và xã hội?
2. Phân tích chức năng cơ bản của gia đình?
3. Trình bày những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
4. Những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay?
5. Trình bày những phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay?

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Luật Hôn nhân và Gia đình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
2. Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý, *Gia đình học*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2007.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.128
4. *Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030* - Quyết định số 629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29 tháng 5 năm 2012.

5. Lê Ngọc Vãn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.